

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ DOGOO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ DOGOO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DOGOO SOFTWARE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DOGOO JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109738589

**3. Ngày thành lập:** 27/08/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

159 Lê Lợi, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0344733033

Fax:

Email: *contact.dogoo@gmail.com*

Website: *www.dogoo.vn*

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3320        |
| 2.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4651        |
| 3.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4652        |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4659        |
| 5.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4741        |
| 6.  | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4742        |
| 7.  | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5820(Chính) |
| 8.  | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết:<br>- Đại lý dịch vụ viễn thông<br>- Hoạt động của các điểm truy cập Internet<br>- Cung cấp dịch vụ viễn thông:<br>+ Dịch vụ viễn thông cơ bản gồm: Dịch vụ thoại; Dịch vụ fax; Dịch vụ truyền số liệu; Dịch vụ nhắn tin; Dịch vụ kênh thuê riêng; Dịch vụ kết nối Internet<br>+ Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng gồm: Dịch vụ thư điện tử; Dịch vụ thư thoại; Dịch vụ fax giá tăng giá trị; Dịch vụ truy cập Internet | 6190        |
| 9.  | Lập trình máy vi tính<br>Chi tiết: sản xuất phần mềm và lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6201        |
| 10. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6202        |
| 11. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6209        |
| 12. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6311        |
| 13. | Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6312        |
| 14. | Quảng cáo (Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7310        |
| 15. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7320        |
| 16. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8230        |
| 17. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 9511        |
| 18. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 9512        |
| 19. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3312        |
| 20. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3313        |
| 21. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3314        |

**6. Vốn điều lệ:** 8.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

Thời gian đăng từ ngày 29/08/2021 đến ngày 28/09/2021

**7. Số cổ phần được quyền chào bán: 800.000**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VŨ ĐĂNG KHOA   | Thôn 2, Xã Cao Minh, Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam     | Cổ phần phổ thông         | 48.000     | 480.000.000           | 6,000     | 031085001364                                                                                |         |
|     |                |                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                        | Tổng số                   | 48.000     | 480.000.000           | 6,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                        |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | PHẠM THỊ DUYÊN | Tổ 16, Phường Tân Hòa, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam     | Cổ phần phổ thông         | 224.000    | 2.240.000.000         | 28,000    | 1135757566                                                                                  |         |
|     |                |                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                        | Tổng số                   | 224.000    | 2.240.000.000         | 28,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                        |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                |                                                                                            |                           |         |               |        |           |
|---|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|-----------|
| 3 | TRẦN HỮU TRUNG | 20/12/51 Phan Bội Châu, Phường Trần Đăng Ninh, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 528.000 | 5.280.000.000 | 66,000 | 162829003 |
|   |                |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                |                                                                                            | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                |                                                                                            | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                |                                                                                            | Tổng số                   | 528.000 | 5.280.000.000 | 66,000 |           |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: VŨ ĐĂNG KHOA

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 06/09/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 031085001364

Ngày cấp: 20/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản Lý Hành Chính Về Trật Tự Xã Hội

Địa chỉ thường trú: Thôn 2, Xã Cao Minh, Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn 2, Xã Cao Minh, Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội